

Số: 964/2020/QĐST- HNGĐ

Gò Vấp, ngày 18 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 848/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1973

- Anh Lê Khả T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 113/22/12 đường số 1, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Khả T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 059, quyền số 01 ngày 14/7/2003 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh T.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 30/6/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/8/2020, chị T và anh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, chị T là người trực tiếp nuôi con, hàng tháng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 3.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 09/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi và thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Phạm Thị T và anh Lê Khả T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về tài sản chung và nợ

chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Phạm Thị T và anh Lê Khả T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 059, quyền số 01 ngày 14/7/2003 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh T hết hiệu lực.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 15/02/2002 (đã trưởng thành) và Lê Kiến Q, sinh ngày 24/10/2008. Chị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Lê Kiến Q, sinh ngày 24/10/2008; hàng tháng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 3.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 09/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh T phải chịu tiền lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2019/0026567 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị T và anh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND xã Kim S, huyện C,
tỉnh T;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang